



biàn yī

便衣

noun / adjective · plainclothes (police)

Example Sentences

Tā chuān zhe biàn yī kàn qǐ lái xiàng pǔ tōng rén
他穿着便衣，看起来像普通人。

He was in plainclothes and looked like an ordinary person.

Biàn yī xíng dòng xū yào yǐn bì hé xùn sù
便衣行动需要隐蔽和迅速。

Plainclothes operations require stealth and speed.

Trace each character, then write the word on your own.

便	便	便	便	便	便	便	便	便	便	便
便										
衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣	衣		